

Bản án số: **46/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 12 - 02 - 2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Phú và bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Bốn – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 243/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị L, sinh ngày 26/12/1995.

Số định danh cá nhân: 03195014277.

Nơi thường trú: Số I A, phường H, thành phố Hải Phòng.

Nơi cư trú: Số H B, phường T, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Đinh Tiên Q, sinh ngày 25/4/1988.

Số định danh cá nhân: 030088014460.

Nơi thường trú và cư trú: Số I A, phường H, thành phố Hải Phòng.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số A A, phường H, thành phố Hải Phòng.

Đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị L trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Tiến Q được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 12/9/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau về tính cách và tư tưởng; anh Q không quan tâm đến vợ con, chơi bời nợ nần dẫn đến việc chị phải trả nợ thay cho anh Q. Gia đình hai bên cũng đã góp ý nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn. Năm 2023, chị đã một lần làm đơn xin ly hôn anh Q gửi Tòa án nhưng sau đó chị đã rút đơn để cho anh Q một cơ hội đoàn tụ tuy nhiên vợ chồng vẫn mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng hơn. Đến khoảng tháng 06/2024, do mâu thuẫn nên chị và anh Q đã ly thân, chị không còn chung sống với anh Q. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Tiến Q.

- Về con chung: Chị và anh Đinh Tiến Q có 02 con chung là Đinh Đoàn Trúc A, sinh ngày 09/9/2017 và Đinh Duy A1, sinh ngày 09/02/2020. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi con chung Đinh Duy A1 và anh Q nuôi con Đinh Đoàn Trúc A cho đến khi con tròn 18 tuổi trưởng thành.

+ Về điều kiện nuôi con: Chị L xác định chị có nơi cư trú ổn định, đảm bảo việc ăn ở của con chung và hiện chị đang làm nghề sơn sửa móng tay thu nhập ổn định khoảng 20.000.000đ/tháng. Chị cam đoan có đủ khả năng nuôi con đến khi trưởng thành.

+ Về cấp dưỡng: Do chị và anh Q mỗi người nuôi 01 con chung nên chị và anh Q không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con và chị cũng tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ý kiến của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Đinh Tiến Q được biết và B Đinh Tiến Q đến làm việc nhưng bị đơn anh Đinh Tiến Q đều vắng mặt do vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn anh Đinh Tiến Q.

Theo Tổ trưởng tổ dân phố số C, phường H, thành phố Hải Phòng cung cấp: Chị Đoàn Thị L và anh Đinh Tiến Q có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị L và anh Q về sinh sống tại số I A thuộc tổ dân phố từ năm 2019. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung và có xảy ra mâu thuẫn nên chị L đã bỏ đi nơi khác sinh sống. Nay, chị L xin ly hôn anh Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo bà Nguyễn Thị H cung cấp: Bà H là mẹ đẻ của anh Đinh Tiến Q. Anh Q đã nhận được các văn bản tố tụng của tòa án tuy nhiên do anh Q bận việc nên không đến tòa án làm việc. Bà H xác định vợ chồng chị L, anh Q kết hôn với nhau từ năm 2016. Bà đề nghị tòa án giải quyết việc ly hôn và về quyền nuôi con của vợ chồng chị L, anh Q theo nguyện vọng của chị L, anh Q và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Đoàn Thị L và anh Đinh Tiến Q đều vắng mặt. Chị L có đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị tòa án xét xử vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị L.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị L được ly hôn với anh Đinh Tiến Q.

+ Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đinh Duy A1, sinh ngày 09/02/2020 và giao cho anh Đinh Tiến Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đinh Đoàn Trúc A, sinh ngày 09/9/2017 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Đoàn Thị L và anh Đinh Tiến Q, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị Đoàn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Đinh Tiến Q và yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con, không yêu cầu phân chia tài sản chung nên quan hệ tranh chấp của vụ án được xác định là “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Quá trình giải quyết vụ án xác định anh Q đang cư trú tại số I A, phường H, thành phố Hải Phòng vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đoàn Thị L vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, theo gia đình anh Q cung cấp, anh Q đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị L nhưng không đến tòa án làm việc. Đến nay, dù đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn anh Q vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là chị L và anh Q theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị L và anh Đinh Tiến Q được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 12/9/2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 12/9/2016. Khi đăng ký kết hôn, chị L và anh Q đều tự nguyện và đủ các điều kiện kết hôn theo luật định nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị L, anh Q chung sống hạnh phúc 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách; anh Q không quan tâm đến vợ con, chơi bời nợ nần dẫn đến việc chị phải trả nợ thay cho anh Q. Gia đình hai bên cũng đã góp ý nhưng

vợ chồng vẫn mâu thuẫn. Năm 2023, chị L đã một lần làm đơn xin ly hôn anh Q nhưng sau đó rút đơn để cho anh Q một cơ hội tuy nhiên vợ chồng vẫn mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 06/2024, chị và anh Q đã ly thân. Sự việc vợ chồng chị L và anh Q có mâu thuẫn và sống ly thân đã được địa phương xác nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q có ký tên trong đơn ly hôn của chị L nhưng không đến tòa án trình bày quan điểm. Từ những căn cứ trên xác định vợ chồng chị L, anh Q có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L ly hôn anh Q là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh Q đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Đình Đoàn Trúc A, sinh ngày 09/9/2017 đang ở cùng anh Q và Đình Duy A1, sinh ngày 09/02/2020 đang ở cùng chị L. Chị L và anh Q đều có nơi cư trú và có nghề nghiệp ổn định nên đều có đủ điều kiện nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, chị L đề nghị giải quyết cho chị nuôi con chung Đình Duy A1 và anh Q nuôi con Đình Đoàn Trúc A cho đến khi con tròn 18 tuổi trưởng thành. Ý kiến này của chị L phù hợp với nguyện vọng của các con và cũng là thỏa thuận giữa chị L và anh Q tại đơn ly hôn chị L nộp cho Tòa án do đó giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đình Duy A1 và giao cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đình Đoàn Trúc A cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L và anh Q mỗi người đều nuôi 01 con chung; chị L tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên chị L và anh Q không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều

35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị L được ly hôn anh Đinh Tiến Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đinh Duy A1, sinh ngày 09/02/2020 (hiện đang ở cùng với chị L) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Giao cho anh Đinh Tiến Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đinh Đoàn Trúc A, sinh ngày 09/9/2017 (hiện đang ở cùng với anh Q) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Chị Đoàn Thị L và anh Đinh Tiến Q đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Đoàn Thị L và anh Đinh Tiến Q, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0002594 ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đoàn Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng;
- Phòng THA dân sự khu vực 8 – Hải Phòng;
- UBND phường Thành Đông - TP. Hải Phòng (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Hải